

Số: 1055 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 03 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản
mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Cẩm Vân,
huyện Cẩm Thủy (diện tích mỏ 8,2 ha)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 ngày 6 tháng 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản số ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản; Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản; Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu giá tài sản; Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản; Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật đấu giá tài sản; Thông tư số 108/2020/TT-BTC ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 2861/2015/QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2015 của UBND tỉnh quy định mức thu phí tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh; Quyết định số 3029/2017/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2017 của UBND tỉnh ban hành Quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền

cấp phép của UBND tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 3483/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Phương án đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường xã Cẩm Vân, huyện Cẩm Thủy (diện tích mỏ 8,2 ha);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 143/TTr-STNMT ngày 03 tháng 3 năm 2023 và Công văn số 2007/STNMT-TNKS ngày 15 tháng 3 năm 2023 (kèm theo Báo cáo số 75/BC-TTĐVĐG ngày 17 tháng 02 năm 2023 của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hóa về việc tổ chức cuộc đấu giá quyền khai thác 10 mỏ khoáng sản được UBND tỉnh phê duyệt phương án đấu giá).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Cẩm Vân, huyện Cẩm Thủy (diện tích mỏ 8,2 ha); với các nội dung sau:

1. Tổ chức trúng đấu giá:

- Tên tổ chức trúng đấu giá: Công ty TNHH Chế tác đá mỹ nghệ Đại Long.

- Địa chỉ: Xóm 8, xã Minh Tân, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

- Mã số thuế: 2802464289 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp, đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 6 năm 2017, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 22 tháng 01 năm 2021.

2. Giá trúng đấu giá: $R = 3,6\%$ (Bằng chữ: Ba phẩy sáu phần trăm).

3. Thời gian nộp tiền trúng đấu giá: Trước khi cấp giấy phép khai thác khoáng sản.

4. Diện tích mỏ: 8,2 ha, thuộc xã Cẩm Vân, huyện Cẩm Thủy, có tọa độ xác định tại phụ lục kèm theo quyết định này.

Điều 2. Công ty TNHH Chế tác đá mỹ nghệ Đại Long phải nộp hồ sơ cấp phép thăm dò khoáng sản trước ngày 16 tháng 8 năm 2023; nộp tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại khu vực mỏ theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường, Trung Dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hóa, chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, các cơ quan liên quan về trình tự, thủ tục tổ chức đấu giá, tính chính xác của số liệu, nội dung tham mưu về công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Cẩm Vân, huyện Cẩm Thủy được UBND tỉnh phê duyệt tại quyết định này.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

- Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản của Công ty TNHH Chế tác đá mỹ nghệ Đại Long và trình cấp phép theo quy định hiện hành của pháp luật.

- Thông báo, hướng dẫn Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hóa nộp số tiền đặt trước (tiền đặt cọc) của đơn vị trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản vào ngân sách nhà nước theo quy định.

- Xác định tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại khu vực mỏ, trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp, Tài chính; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Cẩm Thủy, Giám đốc Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hóa, Công ty TNHH Chế tác đá mỹ nghệ Đại Long và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
 - Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Cục Địa chất Việt Nam (để b/c);
 - Cục Khoáng sản Việt Nam (để b/c);
 - CVP, các PCVP UBND tỉnh;
 - Cổng thông tin điện tử tỉnh Thanh Hóa (để đăng tải);
 - Lưu: VT, KTTCC_(ĐNV).
- QĐĐG23-5

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Đức Giang

Phụ lục**Tọa độ khu vực mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường
tại xã Cẩm Vân, huyện Cẩm Thủy***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh)*

Điểm góc	TOẠ ĐỘ VN 2000 (Kinh tuyến trục 105 ⁰ , múi chiếu 3 ⁰)	
	X(m)	Y(m)
1	2222 712,90	555 514,50
2	2222 762,20	555 537,20
3	2222 820,50	555 535,70
4	2222 866,20	555 588,50
5	2222 853,50	555 640,60
6	2222 898,30	555 695,30
7	2222 908,10	555 782,40
8	2222 880,80	555 813,30
9	2222 894,20	555 829,00
10	2222 911,50	555 919,70
11	2222 960,30	555 985,20
12	2222 867,90	555 973,40
13	2222 774,40	555 978,70
14	2222 702,70	555 895,90
15	2222 738,30	555 828,80
16	2222 763,60	555 829,80
17	2222 797,20	555 867,80
18	2222 809,70	555 845,50
19	2222 748,00	555 773,70
20	2222 679,90	555 670,50
21	2222 619,70	555 654,80
22	2222 624,90	555 593,50
	Diện tích: 8,2 ha	